TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 402/2025/HC-PT
Ngày 29 tháng 9 năm 2025
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Hồng

Các thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh**.**

***- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Hà Văn Hiến – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 406/2025/TLPT-HC ngày 27/5/2025 về việc*"Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2024/HC-ST ngày 12/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1120/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972; Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Đoàn Văn M, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh). (Theo Văn bản ủy quyền ngày 04/4/2024), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Lê Ngọc M1 và luật sư Lê Hải Đ1 – Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện L (Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã L, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Công H1 – Phó Chủ tịch UBND xã L, Thành phố Hồ Chí Minh, xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Bùi Minh Đ2 – Chuyên viên Phòng Kinh tế xã L, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H2: Ông Đoàn Văn M sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh). (Theo Văn bản ủy quyền ngày 04/4/2024), có mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Đ – Là người khởi kiện

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đ có phần đất bị thu hồi để thi công Đường quy hoạch số 14, thị trấn L, huyện L, nhưng không được đền bù về đất, nhà cửa, vật kiến trúc và cây cối trên đất. Ủy ban nhân dân huyện L (viết tắt UBND huyện L) cho rằng nhà, đất ông Đ đang ở thuộc thửa đất số: 23, tờ bản đồ số 165, thị trấn L, là đất lấn chiếm của nhà nước, nên ông đã làm đơn khởi kiện vụ án hành chính ra Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bản án hành chính sơ thẩm số: 101/2022/HC-ST, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, hủy các Quyết định số: 3982/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của UBND huyện L, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số: 1615/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của Chủ tịch UBND huyện L và Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số: 638/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B, Buộc UBND huyện L bồi thường về đất, bồi thường về nhà và vật kiến trúc khi nhà nước thu hồi đất và cấp đất tái định cư theo quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2022, UBND huyện L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 23/5/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm và tuyên y án sơ thẩm: Buộc UBND huyện L bồi thường về đất, bồi thường về nhà và vật kiến trúc khi nhà nước thu hôi đất và cấp đất tái định cư theo quy định của pháp luật (Bản án hành chính phúc thẩm số: 350/2023/HC-PT ngày 23/5/2023).

Thực hiện nội dung Bản án hành chính sơ thẩm số: 101/2022/HC-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Bản án phúc thẩm số: 350/2023/HC-PT ngày 23/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, UBND huyện L đã ban hành Quyết định số: 28733/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Đ.

Tuy nhiên theo Quyết định số: 28733/QĐ-UBND của UBND huyện L bồi thường không đúng loại đất gia đình ông đang sử dụng, đã được chính quyền các cấp, các cơ quan quản nhà nước về đất đai công nhận trong sổ mục kê, sổ địa chính vào năm 2006 và hàng năm ông Đ nộp thuế là đất ở đô thị, nhưng UBND huyện L bồi thường loại đất nông nghiệp với giá rất thấp là 3.412.000 đông/m^2, trong khi giá chuyên nhượng thực tế đối với đất ở của các lô đất gần đó có giá khoảng: 40.000.000 đồng/m^2. Ngoài ra UBND huyện L bồi thường thiếu diện tích đất cho gia đình ông vì theo diện tích đất trong sổ mục kê là: 368,7m^2, nhưng UBND huyện L chỉ bồi thường diện tích đất: 314,1m^2 (thiếu 54,6 m^2).

Đến ngày 28/3/2024, UBND huyện L ban hành Quyết định số: 891/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị H2, theo đó đã bồi thường bổ sung cho gia đình ông thêm 9m^2 đất với số tiền bồi thường và hỗ trợ là: 30.708.000 đồng là chưa đúng.

Không đồng ý với nội dung bồi thường tại Quyết định số 28733/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện L nên ngày 19/12/2023 ông Đ đã có đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND huyện L. Nhưng quá thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định nhưng Chủ tịch UBND huyện L vẫn chưa thụ lý và chưa ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại.

Do đó, ông Nguyễn Văn Đồng khởi K yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 28733/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện L về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Đ do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng Dự án Đường quy hoạch số A, thị trấn L, huyện L (Đ); Hủy Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của UBND huyện L về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị H2 thuộc dự án Đường Q, thị trấn L, huyện L (Đ); Buộc UBND huyện L phải thực hiện nhiệm vụ công vụ bồi thường diện tích đất 368,7m^2, theo giá đất ở thực tế chuyển nhượng trên thị trường tại thời điểm ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường bổ sung. Buộc UBND huyện L cấp cho gia đình ông Nguyễn Văn Đồng Đ3 tái định cư do thu hồi hết đất ở của gia đình ông Nguyễn Văn Đ (giải tỏa trắng), gia đình ông Nguyễn Văn Đ có 04 nhân khẩu (vợ chồng ông Đ và hai con đều đã trưởng thành).

Tại Văn bản số 9921/UBND-TNMT ngày 15/8/2024, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện L có ý kiến:

- Đối với nội dung yêu cầu hủy Quyết định số 28733/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện L về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà): Nguyễn Văn Đ do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình Đường Q, thị trấn L, huyện L (Đ): Sau khi có Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, UBND huyện L đã tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đúng trình tự, thủ tục (Kiểm đếm, xét nguồn gốc và quá trình sử dụng đất; ban hành các Quyết định thu hồi đất, phê duyệt kinh phí bồi thường,...). Cụ thể:

Ngày 07/12/2023, UBND huyện L đã ban hành Quyết định số: 28732/QĐ-UBND thu hồi 314,1m^2 đất của ông Nguyễn Văn Đ và Quyết định số: 28733/QĐ-

UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Nguyễn Văn Đ do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình Đường Q thị trấn L. Trong đó, bồi thường về đất, vật kiền trúc, hoa màu, cây trái; các khoản hỗ trợ với tổng số tiền: 1.445.890.086 đồng.

Do đó, Quyết định số: 28733/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Nguyễn Văn Đ do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình Đường Q thị trấn L, UBND huyện L đã thực hiện các bước thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đúng theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số: 28733/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện L về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà): Nguyễn Văn Đ do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình Đường Q, thị trấn L, huyện L là không có cơ sở.

- Đối với nội dung yêu cầu hủy quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của UBND huyện L về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho ông (bà): Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị H2 do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình Đường Q, thị trấn L, huyện L (Đ): Qua rà soát đơn kiến nghị và hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án. UBND huyện L đã tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung theo đúng trình tự, thủ tục cụ thể:

Ngày 28/3/2024, UBND huyện L đã ban hành các Quyết định số: 892/QĐ-UBND về việc thu hồi bố sung 9,0m^2 đất của ông Nguyễn Văn Đ và Quyết định số: 891/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bôi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho ông Nguyễn Văn Đ do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình Đường Q thị trấn L. Trong đó, bồi thường vê đất nông nghiệp, vật kiên trúc, hoa màu, cây trái; các khoản hỗ trợ với tổng số tiền: 35.163.000 đồng

Do đó, khi ban hành Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 28/03/2024 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Nguyễn Văn Đ do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình Đường quy hoạch số 14 thị trân L, UBND huyện L đã thực hiện việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đúng quy định của pháp luật hiện hành. Vì vậy, ông Nguyễn Văn Đồng khởi K yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số: 891/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của UBND huyện L về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà): Nguyễn Văn Đ do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình Đường Q, thị trấn L, huyện L là không có cơ sở.

- Đối với nội dung yêu cầu buộc UBND huyện L phải thực hiện nhiệm vụ công vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn Đ diện tích đất 368,7m^2, theo giá đất ở thực tế chuyển nhượng trên thị trường tại thời điểm ban hành Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường bổ sung:

Về quy hoạch xây dựng qua các thời kỳ: Căn cứ Quyết định số: 2758/1996/QĐ-UBND ngày 20/11/1996 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/2000 khu H, thị trấn L, vị trí đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Văn Đ thuộc quy hoạch đất khách sạn; Quy hoạch chung xây dựng huyện L đến năm 2020

được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số: 2725/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 và đến nay thuộc quy hoạch đất giao thông.

Về quy hoạch sử dụng đất qua các thời kỳ: Căn cứ Quyết định số: 571/QĐ-UBND ngày 20/01/2003 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất huyện L giai đoạn 2000 - 2010, được cập nhật theo quy hoạch chi tiết 1/2000 khu H được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2758/1996/QĐ-UBND ngày 20/11/1996, vị trí đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Văn Đ thuộc quy hoạch đất khách sạn; Các Quyết định số: 588/QĐ-UBND ngày 20/3/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011 - 2015) của huyện L số 548/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện L; Quyết định số: 1096/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của huyện L, vị trí đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Văn Đ) thuộc quy hoạch đất giao thông.

Căn cứ các Bản án của Tòa án nhân dân các cấp và biên bản xét nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của UBND thị trấn L. Trong đó có hộ ông Nguyễn Văn Đ được hình thành sau khi Quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu H, thị trấn L được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số: 2758/QĐ-UBT ngày 20/11/1996. Do đó, không phù hợp quy hoạch đất ở theo quy định.

Căn cứ khoản 2 Điều 20 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (công nhận quyền sử dụng đất) cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai, Điều 18 của Nghị định này và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 101 của Luật Đất đai, Điều 23 của Nghị định này, có quy định như sau: "…2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác trong thời gian từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004; nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là không có tranh chấp sử dụng đất; phù hợp với quy hoạch hoặc không phù hợp với quy hoạch nhưng đất đã sử dụng từ trước thời điểm phê duyệt quy hoạch hoặc sử dụng đất tại nơi chưa có quy hoạch; chưa có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp phải thu hồi thì được công nhận quyền sử dụng đất như sau: a) Đối với thửa đất có nhà ở mà diện tích thửa đất nhỏ hơn hoặc bằng hạn mức giao đất ở quy định tại Khoản 2 Điều 143 và Khoản 4 Điều 144 của Luật Đất đai (sau đây gọi là hạn mức giao đất ở) thì toàn bộ diện tích thửa đất được công nhận là đất ở; Trường hợp thửa đất có nhà ở mà diện tích thửa đất lớn hơn hạn mức giao đất ở thì diện tích đất ở được công nhận bằng hạn mức giao đất ở; trường hợp diện tích đất xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ đời sống lớn hơn hạn mức giao đất ở thì công nhận diện tích đất ở theo diện tích thực tế đã xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ đời sống đó; b) Đối với thửa đất có công trình xây dựng để sản xuất, thương mại, dịch vụ phi nông nghiệp thì công nhận đất cơ sở S; đất thương mại, dịch vụ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này; c) Đối với thửa đất có cả nhà ở và công trình xây dựng để sản xuất, thương mại, dịch vụ phi nông nghiệp mà diện tích thửa đất lớn hơn hạn mức giao đất ở thì công nhận diện tích đất ở, đất cơ sở sản

xuất phi nông nghiệp; đất thương mại, dịch vụ theo quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này; d) Đối với phần diện tích đất còn lại sau khi đã được xác định theo quy định tại các Điểm a, b và c Khoản này thì được xác định là đất nông nghiệp và được công nhận theo quy định tại Khoản 5 Điều này.”.

Từ các nội dung và căn cứ quy định nêu trên, hộ ông Nguyễn Văn Đ Không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với loại là đất ở (do nhà ở hình thành sau khi Quy hoạch chi tiết xây dựng H được UBND tỉnh phê duyệt ngày 20/11/1996 và Quy hoạch sử dụng đất huyện L, giai đoạn 2000 - 2010 được UBND tỉnh phê duyệt ngày 20/01/2003, nên không đủ điều kiện bồi thường là đất ở; mà chỉ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với loại đất là đất nông nghiệp và đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ là đất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất.

Do đó, việc ông (bà): Nguyễn Văn Đồng khởi kiện yêu cầu Tòa án Buộc UBND huyện L phải thực hiện nhiệm vụ công vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn Đ diện tích 368,7m^2, theo giá đất ở thực tế chuyển nhượng trên thị trường tại thời điểm ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường bổ sung là không có cơ sở.

- Đối với nội dung yêu cầu buộc UBND huyện L cấp cho gia đình ông Nguyễn Văn Đồng Đ3 tái định cư do thu hồi hết đất ở của gia đình ông Nguyễn Văn Đ (giải tỏa trắng), gia đình ông Nguyễn Văn Đ có 04 nhân khẩu (vợ chồng ông Đ và hai con đều đã trưởng thành). Theo Bản án hành chính phúc thẩm số 350/2023/HC-PT ngày 23/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung như sau: “Buộc UBND huyện L bồi thường về đất, bồi thường về nhà và vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất và cấp đất tái định cư theo quy định của pháp luật”.

Thực hiện Bản án phúc thẩm nêu trên, UBND huyện L đã căn cứ các quy định pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thi hành bồi thường. Ngày 07/12/2023, UBND huyện L đã ban hành Quyết định số: 28732/QĐ-UBND thu hồi 314,1m^2 đất của ông Nguyễn Văn Đ và Quyết định số: 28733/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Nguyễn Văn Đ do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình Đường Q thị trấn L. Trong đó, bồi thường về đất nông nghiệp, vật kiến trúc, hoa màu, cây trái; các khoản hỗ trợ với tổng số tiền: 1.445.890.086 đồng. Về bồi thường đất ở/giao đất ở: Không. Lý do: Hộ ông Nguyễn Văn Đ không bị thu hồi đất ở, tại vị trí thu hồi đất, ông Đ không ở (cho người khác ở); còn đất ở và nhà ở trên địa bàn thị trấn L. Cụ thể: Thửa đất số 149, tờ bản đồ số 125, diện tích 60,3m^2 (40,0m^2 đất ở và 20,3m^2 đất nông nghiệp) có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 137827 do Sở Tài Nguyên Môi trường tỉnh cấp ngày 15/12/2020 do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên; thửa đất số 150, tờ bản đồ số 125, diện tích 60,1m^2 (40,0m^2 đất ở và 20,1m^2 đất nông nghiệp) có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 137649 do Sở T2 tỉnh cấp ngày 08/12/2020 do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên; thửa đất số 120, tờ bản đồ số 125, diện tích 58,8m^2 đất ở có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 902626 do UBND huyện cấp ngày 28/9/2010 do ông Nguyễn Văn Đ sang nhượng từ ông Thiêm Văn B, đến tháng 9 năm 2023 ông Đồng T cho con là ông Nguyễn Thế A;

Hiện nay, ông Nguyễn Văn Đ đang sinh sống cùng con ở đây (Địa chỉ tại Tổ F, khu phố H).

Căn cứ Điểm a khoản 1 và khoản 4 Điều 4 của Quyết định số 19/QĐ-UBND của UBND tỉnh B quy định: "Hộ, gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu khi nhà nước thu hồi đất ở mà có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc bồi thường về đất được thực hiện như sau: a) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi nhỏ hơn diên tích đất ở tối thiểu được tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh B tại thời điểm thu hồi đất hoặc không đủ điều kiện cấp phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng tại thời điểm thu hồi đất mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi (riêng địa bàn huyện C thì việc xác định không còn đất ở, nhà ở nào khác được xét trên địa bàn huyện C) thì được bồi thường bằng đất ở tại khu tái định cư hoặc bằng nhà ở tại khu tái định cư theo quy định; 4. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi (riêng địa bàn huyện C thì việc xác định không còn chỗ ở nào khác được xét trên địa bàn huyện C) thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Diện tích nhà ở được mua, thuê, thuê mua, diện tích đất ở được giao bằng mức diện tích của suất tái định cư tối thiểu đối với nhà ở, đất ở quy định tại khoản 1 Điều 22 Quy định này".

Từ các nội dung và căn cứ nêu trên, việc ông Nguyễn Văn Đồng khởi K Tòa án tỉnh buộc UBND huyện L cấp cho gia đình ông Nguyễn Văn Đồng Đ3 tái định cư là không có cơ sở. UBND huyện L đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, giữ nguyên các Quyết định trên của huyện L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2025/HC-ST ngày 12/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 20 Nghị định số:43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 4 của Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh B quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, đối với các yêu cầu:

- Hủy Quyết định số: 28733/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Đ.

- Hủy Quyết định số: 891/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Đ.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện L phải thực hiện nhiệm vụ công vụ bồi thường diện tích đất 368,7m^2 theo giá đất ở thực tế chuyển nhượng trên thị trường tại thời điểm ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường bổ sung.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện L cấp đất tái định cư cho gia đình ông Nguyễn Văn Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/02/2025, người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do Bản án sơ thẩm giải quyết vụ án không khách quan không đúng với thực tế, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông Đ. Ông Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ, tuyên hủy: Quyết định số: 28733/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện L về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Đ; Quyết định số: 891/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của UBND huyện L về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Đ. Buộc UBND huyện L phải thực hiện nhiệm vụ công vụ bồi thường diện tích đất 368,7m^2 theo giá đất ở thực tế chuyển nhượng trên thị trường tại thời điểm ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường bổ sung và buộc UBND huyện L cấp cho gia đình ông Nguyễn Văn Đồng Đ3 tái định cư do thu hồi hết đất ở của gia đình ông Đ (giải tỏa trắng) trong khi gia đình ông Đ có 04 nhân khẩu gồm vợ chồng ông Đ và hai người con đều đã trưởng thành.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông Đồng giữ nguyên kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do Bản án sơ thẩm giải quyết vụ án không khách quan không đúng với thực tế, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông Đ. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Đ, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có ý kiến: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ, tuyên hủy các quyết định: Quyết định số: 28733/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện L về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Đ; Quyết định số: 891/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của UBND huyện L về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Đ; Buộc UBND huyện L phải thực hiện nhiệm vụ công vụ bồi thường diện tích đất 368,7m^2 theo giá đất ở thực tế chuyển nhượng trên thị trường tại thời điểm ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường bổ sung; Buộc UBND huyện L cấp đất tái định cư cho gia đình ông Nguyễn Văn Đ.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L có ý kiến: Ông Đ4 mua nhà, đất thuộc trường hợp sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 nhưng do không phù hợp quy hoạch năm 1996; theo đo đạc kiểm kê thì phần đất của ông Đ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không thể căn cứ Điều 12 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP để xem xét bồi thường đất ở khi thu hồi đất. Thi hành bản án hành chính phúc thẩm, UBND huyện L đã bồi thường đất nông nghiệp và kiến trúc trên đất cho ông Đ là đúng quy định. Do đó, đề nghị bác kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ làm trong hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Xét thấy, phần đất ông Đ bị thu hồi không đủ điều kiện để bồi thường đất ở, do đó UBND huyện L bồi thường cho ông Đ theo giá đất nông nghiệp theo biên bản đo đạc hiện trạng thực tế là có căn cứ. Theo báo cáo của chính quyền địa phương thì ngoài phần đất bị thu hồi ông Đ còn có 03 thửa đất khác trên địa bàn, do đó căn cứ điểm a khoản 1 Quyết định 19/QĐ-UBND thì ông Đ không đủ điều kiện để cấp tái định cư. Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu của ông Đ là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người ông Nguyễn Văn Đ làm trong thời hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện để thụ lý, xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 15/8/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, Thành phố Hồ Chí Minh là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đồng khởi K yêu cầu Tòa án hủy các quyết định: Quyết định số: 28733/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện L về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Đ; Quyết định số: 891/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của UBND huyện L về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Đ. Buộc UBND huyện L phải thực hiện nhiệm vụ công vụ bồi thường diện tích đất 368,7m^2 theo giá đất ở thực tế chuyển nhượng trên thị trường tại thời điểm ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường bổ sung và buộc UBND huyện

L cấp cho gia đình ông Nguyễn Văn Đồng Đ3 tái định cư do thu hồi hết đất ở của gia đình ông Đ.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, người bị kiện và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về căn cứ ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện:

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 101/2022/HC-ST ngày 26/9/2022 và Bản án hành chính phúc thẩm số: 350/2023/HC-PT ngày 23/5/2023 đã tuyên xử: Hủy các Quyết định số: 3982/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của UBND huyện L, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số: 1615/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của Chủ tịch UBND huyện L và Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số: 638/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B, Buộc UBND huyện L bồi thường về đất, bồi thường về nhà và vật kiến trúc khi nhà nước thu hồi đất và cấp đất tái định cư theo quy định của pháp luật.

Thực hiện Bản án hành chính có hiệu lực pháp luật, ngày 07/12/2023 UBND huyện L ban hành Quyết định số: 28733/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho hộ ông Nguyên Văn Đ5 do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng dự án Đường Q thị trấn L. Trong đó, bồi thường về đất nông nghiệp 314,1m^2 thành tiền là 1.071.709.200 đồng.

Đến ngày 28/3/2024, UBND huyện L ban hành Quyết định số: 891/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị H2 thuộc dự án Đường Q thị trấn L, huyện L (Đ), theo đó đã bồi thường bổ sung cho ông Đ và bà H2 9m^2 đất nông nghiệp với số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 35.163.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Đồng khởi K yêu cầu hủy Quyết định số: 28733/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Đ; Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của UBND huyện L về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị H2; yêu cầu UBND huyện L bồi thường diện tích đất 368,7m^2 theo giá đất ở thực tế chuyển nhượng trên thị trường tại thời điểm ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường bổ sung và cấp đất tái định cư cho gia đình ông Nguyễn Văn Đ.

Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Do đó, ông Đ kháng cáo cho rằng UBND huyện L bồi thường không đúng diện tích đất và loại đất do gia đình ông đang sử dụng diện tích đất 368,7m^2 đã được công nhận trong sổ mục kê năm 2006, hàng năm ông nộp thuế là đất ở đô thị, nhưng UBND huyện L bồi thường 314,1m^2 loại đất nông nghiệp với giá rất thấp là 3.412.000 đồng/m^2, trong khi giá chuyển nhượng thực tế đối với đất ở của các lô đất gần đó có giá khoảng 40.000.000 đồng/m^2 . UBND huyện L không cấp tái định cư do gia đình ông bị thu hồi toàn bộ diện tích đất là không đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Ông Đ khai phần đất bị thu hồi có nguồn gốc do ông Bùi Tiến C khai phá vào năm 1982 thửa đất số 23, tờ bản đồ số 165. Đến năm 1989, ông C sang

nhượng lại nhà đất cho ông Hoàng Nghĩa K1 và bà Trần Thị L (giấy tay sang nhượng đã mất). Năm 2001, ông K1 và bà L chuyển nhượng lại cho ông Trần Đức T1. Ông T1 xây nhà năm 2002, khoảng 5m x 6m = 30m^2. Năm 2006, ông T1 có đứng tên trong sổ mục kê đối với thửa đất 23 tờ bản đồ số 165 diện tích 368m^2. Ngày 29/7/2007, ông T1 chuyển nhượng lại toàn bộ nhà đất cho ông Đ, bà H2. Sau khi mua, ông Đ xây thêm 01 phòng nhỏ 3m x 3m ở phía sau. Năm 2018, ông Đ trồng cây nhưng sau này chết hết hiện chỉ còn 01 cây phượng. Khi ông Đ xây nhà không ai ngăn cản, không bị xử phạt vi phạm hành chính. Ông Đ, bà H2 hàng năm nộp thuế đất từ năm 2012.

Còn người bị kiện UBND huyện L thì cho rằng mặc dù nguồn gốc do ông Đ sử dụng có nhà trên đất thuộc trường hợp sử dụng từ ngày 15/10/1993 đến sau ngày 01/7/2004 nhưng do nhà ở hình thành sau khi có quyết định phê duyệt của UBND tỉnh năm 1996 về việc Quy hoạch chi tiết xây dựng H và quy hoạch sử dụng đất huyện L giai đoạn 2000 - 2010 được UBND tỉnh phê duyệt ngày 20/01/2003 nên ông Đ không đủ điều kiện bồi thường đất ở mà chỉ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp và đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ là đất nông nghiệp khi nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 43/2014/ NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định: *"Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác trong thời gian từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004; nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là không có tranh chấp sử dụng đất; phù hợp với quy hoạch hoặc không phù hợp với quy hoạch nhưng đất đã sử dụng từ trước thời điểm phê duyệt quy hoạch hoặc sử dụng đất tại nơi chưa có quy hoạch; chưa có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp phải thu hồi thì được công nhận quyền sử dụng đất ..."*

Đối chiếu với quy định trên thấy rằng hộ ông Nguyễn Văn Đ đang sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác trong thời gian từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không phù hợp với Quy hoạch chi tiết xây dựng H được UBND tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 2758/QĐ-UBT ngày 20/11/1996 và Quy hoạch sử dụng đất huyện L, giai đoạn 2000 - 2010 được UBND tỉnh B phê duyệt ngày 20/01/2003. Nên ông Đ không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất ở mà chỉ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với loại đất là đất nông nghiệp. Do đó ông Đ không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ là đất ở mà chỉ đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ là đất nông nghiệp khi nhà nước thu hồi đất.

Vì vậy UBND huyện L ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn Đ diện tích đất thu hồi theo giá đất nông nghiệp là có căn cứ, đúng quy định. Ông Đ yêu cầu được bồi thường theo giá đất ở là chưa đúng quy định của pháp luật.

[4.2] Đối với diện tích đất thu hồi: Ông Đ cho rằng trong sổ mục kê có kê khai diện tích 368,7m^2 đất. Nhưng UBND huyện L bồi thường 323,1m^2 đất là không đủ diện tích đất. Xét thấy:

Tại Mảnh trích đo địa chính ngày 24/6/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L đo vẽ xác định diện tích thực tế sử dụng của ông Đ là 323,1m^2 đất.

Ngày 07/12/2023, UBND huyện L ban hành Quyết định số: 28733/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Nguyễn Văn Đ do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình Đường Q thị trấn L. Trong đó, bồi thường về đất nông nghiệp diện tích: 314,1m^2 đất.

Đến ngày 28/3/2024, UBND huyện L ban hành Quyết định số: 891/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị H2 thêm 9m^2 đất nông nghiệp là có căn cứ, đúng quy định.

Ông Đ khiếu nại yêu cầu được bồi thường đủ diện tích được ghi nhận trong sổ mục kê là chưa đúng quy định của pháp luật.

[4.3] Đối với yêu cầu cấp tái đất định cư: Xét thấy tại khoản 1 Điều 4 Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Ban hành kèm theo Quyết định số: 19/2022/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh B) có quy định: *"Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu khi Nhà nước thu hồi đất ở mà có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc bồi thường về đất được thực hiện như sau: a) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi nhỏ hơn diện tích đất ở tối thiểu được tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh B tại thời điểm thu hồi đất hoặc không đủ điều kiện cấp phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng tại thời điểm thu hồi đất mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi (riêng địa bàn huyện C thì việc xác định không còn đất ở, nhà ở nào khác được xét trên địa bàn huyện C) thì được bồi thường bằng đất ở tại khu tái định cư hoặc bằng nhà ở tại khu tái định cư…"*.

Tại Báo cáo số: 1813/BC-UBND ngày 06/12/2023 của UBND thị trấn L đã xác định: Hộ ông Nguyễn Văn Đ không bị thu hồi đất ở, tại vị trí thu hồi đất, ông Đ không ở (cho người khác ở); còn đất ở và nhà ở trên địa bàn thị trấn L. Cụ thể: Thửa đất số 149, tờ bản đồ số 125, diện tích 60,3m^2 (40,0m^2 đất ở và 20,3m^2 đất nông nghiệp) có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 137827 do Sở Tài Nguyên Môi trường tỉnh cấp ngày 15/12/2020 do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên; thửa đất số 150, tờ bản đồ số 125, diện tích 60,1m^2 (40,0m^2 đất ở và 20,1m^2 đất nông nghiệp) có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 137649 do Sở T2 tỉnh cấp ngày 08/12/2020 do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên; thửa đất số 120, tờ bản đồ số 125, diện tích 58,8m^2 đất ở có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 902626 do UBND huyện cấp ngày 28/9/2010 do ông Nguyên Văn Đ5 sang nhượng từ ông Thiêm Văn B, đến tháng 9 năm 2023 ông Đồng T cho con là ông Nguyễn Thế A; Hiện nay, ông Nguyễn Văn Đ đang sinh sống cùng con ở đây (Địa chỉ tại Tổ F, khu

phố H). Đối chiếu với quy định trên, xét thấy ông Đ yêu cầu được cấp đất tái định cư cho gia đình ông là chưa có đủ căn cứ để chấp nhận.

Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại điện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Đ giữ nguyên kháng cáo nhưng cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Nên không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ.

Do đó, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm theo Quan điểm đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2025/HC-ST ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 4 của Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh B quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, đối với các yêu cầu:

- Hủy Quyết định số: 28733/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Đ.

- Hủy Quyết định số: 891/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn Đ.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện L phải thực hiện nhiệm vụ công vụ bồi thường diện tích đất 368,7m^2, theo giá đất ở thực tế chuyển nhượng trên thị trường tại thời điểm ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường bổ sung.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho gia đình ông Nguyễn Văn Đồng Đ3 tái định cư.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0002749 ngày 21/02/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H). Ông Nguyễn Văn Đ đã nộp đủ.

4. Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)